CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of HLB International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-17
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-17

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban lãnh đạo trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Hoàng Ngân Hà	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hải	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

Số: 412/2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín được lập ngày 28 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 17 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Lãnh đạo cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2012

1 Le Phung Hieu, Ha Noi, Viet Nam | Tel.: +84-4-3824-1990/1 | Fax.:+84-4-3825-3973
aaschn@hn.vnn.vn | www.aasc.com.vn

A member of BDO International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**20.670.396.493**	**23.395.246.800**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**1**	**6.208.563.975**	**1.688.819.562**
111	1. Tiền		6.208.563.975	1.688.819.562
140	**IV. Hàng tồn kho**	**2**	**25.082.518**	**206.427.238**
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**14.436.750.000**	**21.500.000.000**
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	3	14.436.750.000	21.500.000.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.025.138.865**	**628.894.233**
220	**II. Tài sản cố định**		**425.922.255**	**583.255.588**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4	425.922.255	583.255.588
222	- Nguyên giá		1.070.469.408	988.109.407
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(644.547.153)	(404.853.819)
250	**III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**5**	**503.000.000**	**-**
258	3. Đầu tư dài hạn khác		503.000.000	-
260	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**96.216.610**	**45.638.645**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	86.216.610	35.638.645
268	3. Tài sản dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**21.695.535.358**	**24.024.141.033**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**758.025.647**	**952.069.513**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**758.025.647**	**952.069.513**
312	2. Phải trả người bán		51.734.789	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	21.300.056	5.233.511
315	5. Phải trả người lao động		-	60.146.000
316	6. Chi phí phải trả	8	16.500.000	33.000.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	9	668.490.802	853.690.002
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**10**	**20.937.509.711**	**23.072.071.520**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(9.062.490.289)	(6.927.928.480)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**21.695.535.358**	**24.024.141.033**

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	**1. Doanh thu**	11	**15.497**	**120.059.933**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		**15.497**	**120.059.933**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**	12	**318.165.000**	**760.796.646**
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**(318.149.503)**	**(640.736.713)**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		163.355	2.338.042
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	1.816.577.293	3.217.546.584
30	**9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(2.134.563.441)**	**(3.855.945.255)**
31	10. Thu nhập khác		1.632	-
40	**12. Lợi nhuận khác**		**1.632**	-
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(2.134.561.809)**	**(3.855.945.255)**
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14	-	-
60	**16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**(2.134.561.809)**	**(3.855.945.255)**
70	**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	15	**(712)**	**(1.285)**

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		17.129	120.059.933
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(268.907.768)	(723.174.772)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.299.767.000)	(1.733.406.667)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(221.629.818)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.814.950.000	85.792.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.644.351.302)	(15.624.584.331)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		**4.601.941.059**	**(18.096.943.655)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(82.360.001)	(161.650.210)
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.312.260.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.976.923.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		163.355	2.338.042
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		**(82.196.646)**	**8.505.350.832**
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(906.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**-**	**(906.000.000)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**4.519.744.413**	**(10.497.592.823)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**1.688.819.562**	**12.186.412.385**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**1**	**6.208.563.975**	**1.688.819.562**

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2011

Năm nay	Thuyết minh	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.927.928.480)	-	(2.134.561.809)	(9.062.490.289)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**23.072.071.520**	**-**	**(2.134.561.809)**	**20.937.509.711**

Năm trước	Thuyết minh	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.071.983.225)	-	(3.855.945.255)	(6.927.928.480)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**26.928.016.775**	**-**	**(3.855.945.255)**	**23.072.071.520**

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Tín là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ. Công ty hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1&2, Tòa nhà 40 Phan Bội Châu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng). Tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 38/UBCK-GP ngày 05 tháng 09 năm 2008 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ ban hành theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV Chính sách kế toán áp dụng

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	05	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	6.202.212.823	1.684.208.416
Tiền gửi ngân hàng	6.351.152	4.611.146
	6.208.563.975	**1.688.819.562**

2 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	25.082.518	206.427.238
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**25.082.518**	**206.427.238**

3 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng đặt trước tiền mua trụ sở Công ty	8.731.050.000	15.000.000.000
Tạm ứng mua cổ phiếu	5.700.000.000	6.500.000.000
Tạm ứng khác	5.700.000	-
	14.436.750.000	**21.500.000.000**

4 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**629.129.197**	**358.980.210**	**988.109.407**
Số tăng trong năm		**82.360.001**	**82.360.001**
- Mua sắm mới	-	82.360.001	82.360.001
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**629.129.197**	**441.340.211**	**1.070.469.408**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**230.675.839**	**174.177.980**	**404.853.819**
Số tăng trong năm	**125.820.000**	**113.873.334**	**239.693.334**
- Trích khấu hao	125.820.000	113.873.334	239.693.334
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**356.495.839**	**288.051.314**	**644.547.153**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**398.453.358**	**184.802.230**	**583.255.588**
Số dư cuối năm	**272.633.358**	**153.288.897**	**425.922.255**

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu niêm yết	503.000.000	-
	503.000.000	**-**

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	67.667.924	27.820.526
Chi phí bảo hiểm xe	18.548.686	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	7.818.119
	86.216.610	**35.638.645**

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	21.300.056	5.233.511
	21.300.056	**5.233.511**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí phải trả khác	16.500.000	33.000.000
	16.500.000	**33.000.000**

9 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	43.265.802	8.515.002
Phải trả bà Hoàng Ngân Hà	122.225.000	845.175.000
Phải trả khách hàng ủy thác cá nhân [1]	503.000.000	-
	668.490.802	**853.690.002**

(1) Là khoản nhận ủy thác của ông Nguyễn Sỹ Phương theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư số 115/VTCC-UQĐT ngày 20 tháng 09 năm 2011. Tiền và tài sản của khách hàng ủy thác được quản lý tại tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín.

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- *Vốn góp đầu năm*	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*
- *Vốn góp cuối năm*	*30.000.000.000*	*30.000.000.000*

b) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*3.000.000*	*3.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*3.000.000*	*3.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

11 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý	-	119.649.000
Doanh thu khác	15.497	410.933
	15.497	**120.059.933**

12 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên	318.165.000	195.658.974
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	-	236.383.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	328.753.952
	318.165.000	**760.796.646**

13 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.148.153.647	1.347.199.716
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	206.484.082	563.693.414
Chi phí khấu hao tài sản cố định	239.693.334	554.669.670
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.436.891	631.628.398
Chi phí khác bằng tiền	126.809.339	120.355.386
	1.816.577.293	**3.217.546.584**

14 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.134.561.809)	(3.855.945.255)
Tổng lợi nhuận tính thuế	(2.134.561.809)	(3.855.945.255)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

15 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(2.134.561.809)	(3.855.945.255)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.134.561.809)	(3.855.945.255)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(712)**	**(1.285)**

16 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

17 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
Phải trả khác			
- Bà Hoàng Ngân Hà	Chủ tịch HĐQT	122.225.000	845.175.000

18 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại do thay đổi chế độ kế toán.

Chỉ tiêu trên báo cáo mới	Chỉ tiêu trên báo cáo cũ	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
			VND	VND
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01	120.059.933	120.059.933
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	Tiền trả cho người cung cấp	02	(723.174.772)	(437.369.232)
	Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ			(285.805.540)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	07	(15.624.584.331)	(8.475.085.456)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(7.149.498.875)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	27	2.338.042	2.338.042

Phan Việt Hà
Kế toán trưởng

Hoàng Ngân Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2012

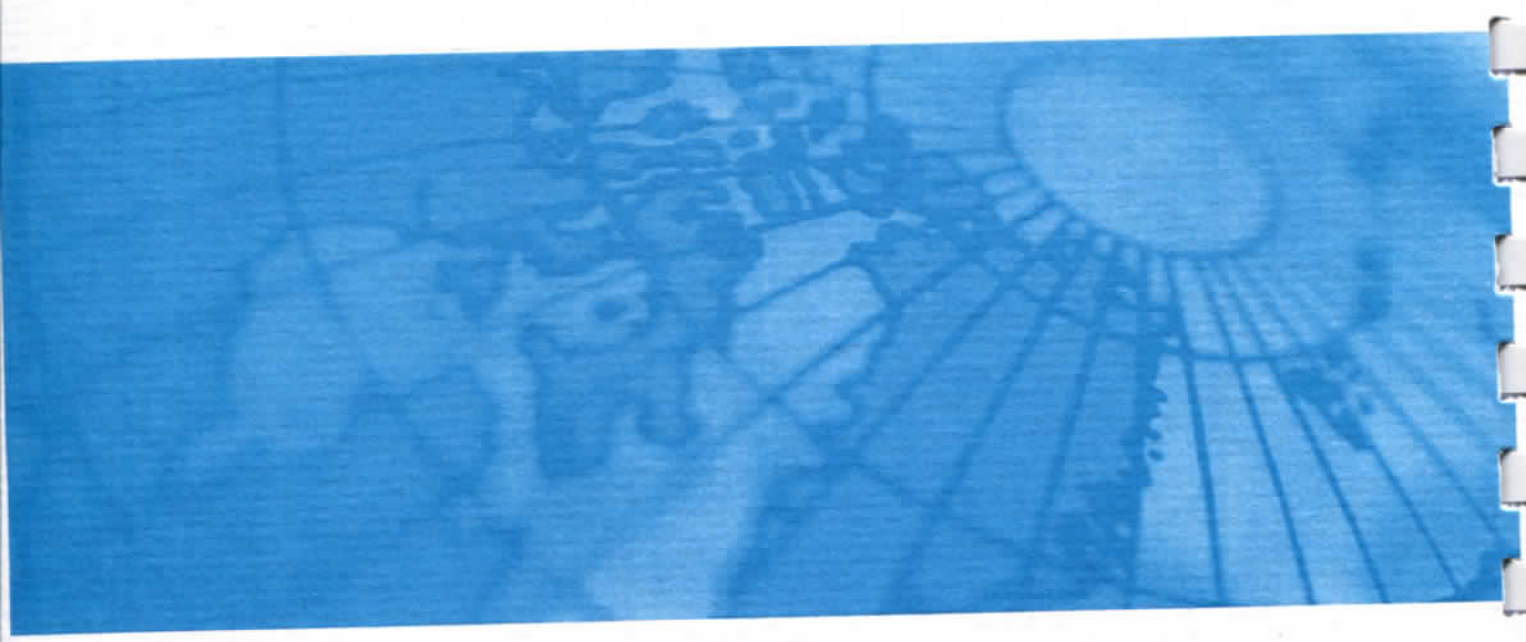

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

TRỤ SỞ CHÍNH:

Số 01 Lê Phụng Hiểu,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel.: +84-4-3824-1990/1
Fax: +84-4-3825-3973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH:

Số 27 Đường Lam Sơn, Phường 2,
Quận Tân Bình, TP. HCM
Tel.: +84-8-3848-5983 | + 84-8-3848-5776
Fax: +84-8-3547-1838

VPĐD TẠI QUẢNG NINH:

Số 8 Đường Chu Văn An
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Tel.: +84-33-362-7571
Fax: +84-33-362-7572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn